

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2025/DS - ST
Ngày: 25 - 3 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bình

Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Như Ý, sinh năm 1981; bà Trương Thị Thanh P, sinh năm 1984; Cùng HKTT tại: Tổ A, thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú hiện nay: Số A, đường số G, thôn B, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Ngọc D, sinh năm 1994; bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1997; Cùng nơi cư trú: Số H, đường số B, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông Ý, bà P, vắng mặt ông D, bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Trước đây vì cần tiền làm ăn nên vào ngày 02/02/2023 ông D, bà T có đến nhà ông Ý, bà P hỏi vay tiền, sau khi thỏa thuận thống nhất ông Ý, bà P đồng ý cho ông D, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, các bên thỏa thuận miệng lãi suất 1.000.000 đồng/tháng và thời hạn trả là 03 tháng. Việc vay tiền các bên có lập “Giấy mượn tiền” giao cho ông Ý, bà P giữ.

Sau khi vay ông D, bà T có trả được cho ông Ý, bà P 12 tháng tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng thì ngừng. Sau đó ông Ý, bà P nhiều lần liên hệ yêu cầu ông D, bà T phải hoàn trả số tiền đã vay nhưng ông D, bà T vẫn không trả. Nên ông Ý, bà P khởi kiện yêu cầu ông D, bà T liên đới phải trả cho ông Ý, bà P số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/4/2024 đến nay, theo mức lãi xuất ngân hàng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Trong phần tranh tụng ông Ý, bà P giữ nguyên yêu cầu ông D, bà T phải hoàn trả số tiền vay 20.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn ông Đinh Ngọc D trình bày:

Vào ngày 02/02/2023 ông D, bà T có vay của ông Ý, bà P số tiền là 20.000.000 đồng, các bên có lập giấy viết tay và có chữ ký của ông D và bà T, mục đích vay tiền là để làm ăn. Thời điểm vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 1.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể nhưng thỏa thuận khi nào cần ông Ý, bà P sẽ báo trước. Sau khi vay ông D có trả được mấy tháng lãi, sau đó do khấn trong việc làm ăn nên ông D, bà T mất khả năng trả lãi và cũng chưa hoàn trả số tiền nợ vay cho ông Ý, bà P mặc dù ông Ý, bà P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu. Ông D đồng ý trả cho ông Ý, bà P số tiền nợ vay 20.000.000 đồng. Tuy nhiên xin được trả dần.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông D, bà T liên đới phải trả cho ông Ý, bà P số tiền nợ vay 20.000.000 đồng và đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của ông Ý, bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Đinh Ngọc Duy, bà Nguyễn Thị Thủy Tiên hiện cư trú tại huyện Đ nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, chứng cứ do các đương sự cung cấp, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn ông D, bà T không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bà T, ông D tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa ông Ý, bà P rút yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà T liên đới phải trả tiền lãi của khoản tiền vay 20.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là tự nguyện, nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[5] Ông Ý, bà P yêu cầu ông D, bà T liên đới phải trả số tiền 20.000.000 đồng, đã vay ngày 02/02/2023; để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là “Giấy mượn tiền”. Quá trình làm việc tại Tòa án ông D thừa nhận ngày 02/02/2023 ông D, bà T có vay của ông Ý, bà P số tiền 20.000.000 đồng, các bên có viết giấy vay tiền, đồng thời thừa nhận chữ ký, chữ viết trên “Giấy mượn tiền” do nguyên đơn cung cấp là của ông D, bà T. Cho nên, đây là sự thật không cần phải chứng minh.

[6] Theo nguyên đơn sau khi vay số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) cho đến nay mặc dù ông Ý, bà P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu nhưng ông D, bà T vẫn không hoàn trả. Ông D cũng thừa nhận, sau khi vay do khó khăn nên ông D, bà T vẫn chưa hoàn trả cho ông Ý, bà P số tiền vay, đồng thời chấp nhận hoàn trả cho ông Ý, bà P. Do đó yêu cầu của ông Ý, bà P là có căn cứ được chấp nhận.

[7] Ông D yêu cầu được trả dần số tiền 20.000.000 đồng, tuy nhiên, ông Ý, bà P không đồng ý. Ông D, bà T là vợ chồng, mục đích vay tiền để làm ăn chung, nên đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Nên cần buộc ông D, bà T liên đới phải trả cho ông Ý, bà P.

[8] Ông Ý, bà P và ông D thừa nhận khi vay các bên có thỏa thuận tiền lãi nên ông D, bà T phải trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo quy định.

[9] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[10] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 203, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 465, 466, 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Như Ý, bà Trương Thị Thanh P về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Ngọc D, bà Nguyễn Thị Thủy T phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ vay 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Như Ý, bà Trương Thị Thanh P.

Buộc ông Đinh Ngọc D, bà Nguyễn Thị Thủy T liên đới phải trả cho ông Đặng Như Ý, bà Trương Thị Thanh P số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Đặng Như Ý, bà Trương Thị Thanh P không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Ý, bà P số tiền 570.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004904, ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ông Đinh Ngọc D, bà Nguyễn Thị Thủy T liên đới phải nộp 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) án phí sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- C.C. THA.DS huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Trường